

Số: 351 /QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng
khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp,
cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng
công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13 ngày 28 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 60/NQ-CP ngày 08 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 73/NQ-CP ngày 26 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình mục tiêu giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 46/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 5 năm 2017;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tên Chương trình và cơ quan quản lý Chương trình:

a) Tên Chương trình: Chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 (sau đây viết tắt là Chương trình)

b) Cơ quan quản lý Chương trình: Bộ Kế hoạch và Đầu tư

2. Mục tiêu:

a) Mục tiêu tổng quát:

Phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; tạo điều kiện thuận lợi và nền tảng cơ bản để kêu gọi, xúc tiến, đặc biệt là thu hút và triển khai mạnh mẽ các dự án đầu tư quy mô lớn; phát triển các ngành, lĩnh vực tại các khu vực ven biển, cửa khẩu và các khu vực khác có tiềm năng; đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất, hỗ trợ phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ trong sản xuất; hỗ trợ phát triển các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp.

b) Mục tiêu cụ thể phân đầu đến năm 2020:

- Hoàn thành từ 200 đến 250 km đường giao thông chính, công trình thoát nước, xử lý nước thải tập trung với công suất từ 13.000 đến 14.000 m³/ngày đêm, hạ tầng kỹ thuật và xã hội các khu tái định cư với tổng diện tích từ 150 đến 200 ha của 16 khu kinh tế ven biển, trong đó tập trung chủ yếu cho 8 khu kinh tế ven biển trọng điểm có các dự án quy mô lớn đang và dự kiến triển khai trong giai đoạn 2016 - 2020.

- Hoàn thành từ 200 đến 220 km đường giao thông, công trình xử lý nước thải tập trung với công suất từ 300 đến 400 m³/ngày đêm, xây dựng khoảng từ 08 đến 10 km đường dây điện, san nền từ 60 đến 80 ha, xây dựng từ 03 đến 05 km hệ thống kè sạt lở, hoàn thành từ 8.000 đến 10.000 m² diện tích nhà làm việc chuyên ngành, bãi kiểm hóa, kho tàng bến bãi cho 21 khu kinh tế cửa khẩu, trong đó tập trung cho 9 khu kinh tế cửa khẩu trọng điểm có lưu lượng hàng hóa xuất nhập khẩu lớn.

- Đầu tư hoàn thành từ 80 đến 100 km đường giao thông, từ 15 đến 20 công trình xử lý nước thải tập trung với công suất từ 40.000 đến 45.000 m³/ngày đêm cho từ 35 đến 40 khu công nghiệp và từ 30 đến 35 cụm công nghiệp tại các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

- Đầu tư hoàn thành rà phá bom mìn cho diện tích từ 550 đến 600 ha, san lấp từ 800 đến 850 ha mặt bằng, từ 80 đến 85 km đường giao thông, hệ thống mương dẫn và thoát nước mưa, nước thải đã qua xử lý dài khoảng 3,5 đến 4 km, nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất 3.500 đến 4.000 m³/ngày đêm, hệ thống cấp điện dài 3,5 đến 4 km, xây dựng trạm biến áp 22/0,4 KVA cho 3 khu công nghệ cao.

- Đầu tư hoàn thành 150 đến 200 ha san lấp mặt bằng, 35 đến 40 km đường giao thông, hệ thống mương dẫn và thoát nước mưa, nước thải đã qua xử lý dài khoảng 10 đến 12 km, xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung với công suất 2.200 đến 2.500 m³/ngày đêm, hệ thống cấp điện dài 60 đến 80 km cho 06 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phạm vi, đối tượng và nguyên tắc ưu tiên bố trí vốn của Chương trình

a) Phạm vi thực hiện:

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có khu kinh tế ven biển đáp ứng các điều kiện sau:

+ Được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP;

+ Có Quy hoạch chung xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

+ Thuộc địa phương có Ban Quản lý Khu kinh tế được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

- Các tỉnh có khu kinh tế cửa khẩu được thành lập theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP.

- Các tỉnh có khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc địa phương có tỷ lệ bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương so với chi ngân sách địa phương cao hơn 50% (trừ trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ quyết định); căn cứ tính toán các địa phương đáp ứng tiêu chí dựa vào số liệu thu, chi ngân sách nhà nước năm 2014 theo Nghị quyết số 57/2013/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Quốc hội khóa XIII và Quyết định số 2337/QĐ-TTg ngày 30 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 và đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Khu công nghiệp nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của cả nước tại các thời điểm: (i) thẩm định nguồn vốn, (ii) phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án và (iii) tổng hợp danh mục kế hoạch đầu tư

công trung hạn. Khu công nghiệp đã được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP tại thời điểm bố trí vốn kế hoạch;

+ Cụm công nghiệp nằm trong Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn được Bộ Công Thương thỏa thuận, có diện tích lớn hơn 25 ha (riêng đối với vùng Trung du miền núi phía Bắc lớn hơn 15 ha) tại các thời điểm: (i) thẩm định nguồn vốn, (ii) phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án và (iii) tổng hợp danh mục kế hoạch đầu tư công trung hạn và có Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản pháp lý tương đương, có Quy hoạch chi tiết xây dựng được phê duyệt, có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động theo quy định của pháp luật về quản lý cụm công nghiệp tại thời điểm bố trí vốn kế hoạch. Tính đến thời điểm được xem xét hỗ trợ có doanh nghiệp đăng ký đầu tư đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 30%;

+ Ưu tiên các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có vị trí quan trọng trong việc thu hút đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương, đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường, phục vụ mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm hoặc nằm xen kẽ trong các khu dân cư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp do tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư Việt Nam làm chủ đầu tư hoặc do đơn vị sự nghiệp được giao làm chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có khu nông nghiệp công nghệ cao được phê duyệt tại Quyết định số 575/QĐ-TTg ngày 04 tháng 5 năm 2015 và khu công nghệ cao được phê duyệt tại Quyết định số 792/QĐ-TTg ngày 08 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ và được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Nguyên tắc phân bổ vốn từ ngân sách trung ương

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và pháp luật về đầu tư công. Riêng các dự án đầu tư theo hình thức PPP, hỗ trợ theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng dự án.

c) Đối tượng thực hiện Chương trình: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các địa phương và các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao thuộc đối tượng hỗ trợ của Chương trình.

4. Thời gian thực hiện Chương trình: Từ năm 2016 đến năm 2020.

5. Kinh phí thực hiện Chương trình

Tổng kinh phí thực hiện Chương trình là 20.982,02 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó:

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách trung ương là: 16.676,61 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn). Trường hợp vốn đầu tư phát triển bố trí không đủ trong giai đoạn, cho phép kéo dài thời gian để thực hiện và điều chỉnh mục tiêu chương trình.

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác: 4.215,41 tỷ đồng.

6. Các dự án thành phần thuộc Chương trình:

a) Dự án 1: Đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển

- Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu:

+ Đầu tư xây dựng hệ thống giao thông chính trong khu;

+ Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các dự án khu nhà ở công nhân và khu tái định cư phục vụ người bị thu hồi đất trong khu kinh tế ven biển;

+ Đầu tư xây dựng khu xử lý chất thải rắn và hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu chức năng trong khu kinh tế ven biển (bao gồm hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải tập trung).

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí huy động thực hiện dự án là 10.774,18 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó ngân sách trung ương là 9.090,61 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác là 1.683,57 tỷ đồng.

b) Dự án 2: Đầu tư hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu

- Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu:

+ San lấp mặt bằng trong khu;

+ Xây dựng đường giao thông chính và các công trình hạ tầng thiết yếu khác (trạm kiểm soát liên ngành, bến bãi, kè chống sạt lở...) trong nội bộ khu;

+ Xây dựng công trình cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải tập trung trong khu.

- Kinh phí thực hiện:

Tổng kinh phí huy động thực hiện dự án là 3.676,4 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó ngân sách trung ương là 2.518,4 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác là 1.068 tỷ đồng.

c) Dự án 3: Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp

- Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Đường gom, đường vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện: Tổng kinh phí huy động thực hiện dự án là 4.027,1 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó ngân sách trung ương là 3.227,3 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác là 799,8 tỷ đồng.

d) Dự án 4: Đầu tư hạ tầng khu công nghệ cao

- Nội dung, nhiệm vụ chủ yếu:

+ San lấp mặt bằng;

+ Xây dựng đường giao thông chính trong nội bộ khu;

+ Xây dựng công trình cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải;

+ Các công trình hạ tầng thiết yếu khác.

- Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí huy động thực hiện dự án là 2.192,34 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó ngân sách trung ương là 1.682,3 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác là 510,04 tỷ đồng.

đ) Dự án 5: Đầu tư hạ tầng khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Nội dung chủ yếu:

+ San lấp mặt bằng;

+ Xây dựng đường giao thông chính trong nội bộ khu;

- + Xây dựng công trình cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải;
- + Các công trình hạ tầng thiết yếu khác.
- Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí huy động thực hiện dự án là 312 tỷ đồng (điều chỉnh tăng thêm khi có nguồn), trong đó ngân sách trung ương là 158 tỷ đồng, ngân sách địa phương và các nguồn vốn khác là 154 tỷ đồng.

7. Các giải pháp chủ yếu để thực hiện Chương trình

a) Cơ quan thực hiện Chương trình và các Dự án thành phần thuộc Chương trình ở trung ương, địa phương có trách nhiệm huy động các nguồn lực hợp pháp để phân đấu hoàn thành các mục tiêu, kết quả nhiệm vụ của Dự án, bao gồm:

- Vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương (số vốn đã trong trong kế hoạch trung hạn 2016 - 2020 và bổ sung khi có nguồn).

- Vốn đối ứng từ ngân sách địa phương: Hội đồng nhân dân các cấp địa phương bố trí ngân sách địa phương để thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ của Chương trình. Địa phương có trách nhiệm và cam kết bố trí vốn thực hiện Chương trình.

- Thực hiện lồng ghép giữa các chương trình, dự án có cùng mục tiêu, nội dung, hoạt động.

- Nguồn lực huy động hợp pháp khác.

b) Hoàn thiện hệ thống cơ chế chính sách về đầu tư công: Phối hợp với các bộ, ngành liên quan xây dựng các văn bản hướng dẫn, đặc biệt là các văn bản chính sách về quy định quản lý và sử dụng kinh phí nguồn ngân sách nhà nước để thực hiện Chương trình.

c) Tổ chức thực hiện, theo dõi, đánh giá việc thực hiện Chương trình: Chủ chương trình có kế hoạch thường xuyên phối hợp với các bộ, ngành và địa phương liên quan tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá việc thực hiện Chương trình tại địa phương.

8. Tổ chức thực hiện Chương trình

Để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những tồn tại, khó khăn trong quá trình quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công

ng nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, trong thời gian tới các bộ, ngành và địa phương cần tổ chức thực hiện một số nhiệm vụ sau:

a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình.
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình.
- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định kế hoạch và phương án phân bổ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước cho các công trình/dự án thuộc Chương trình trong trung hạn 2016 - 2020 và hàng năm.
- Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát và tổng hợp các công trình/dự án thuộc chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ.
- Trong quá trình điều hành kế hoạch đầu tư công trung hạn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính báo cáo Chính phủ bổ sung thêm vốn cho các chương trình mục tiêu từ tăng thu, tiết kiệm chi (nếu có) và các nguồn vốn hợp pháp khác.
- Chỉ đạo hướng dẫn các địa phương nâng cao vai trò định hướng, dẫn dắt của nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương nhằm thu hút và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư xây dựng đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội phục vụ cho sự phát triển bền vững của các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.
- Phối hợp với các bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi các quy định pháp luật liên quan về thuế, đầu tư, doanh nghiệp, lao động, đất đai, công thương, môi trường... theo hướng tạo cơ chế, chính sách rõ ràng, thuận lợi, môi trường đầu tư thông thoáng trong kêu gọi thu hút đầu tư, môi trường hoạt động và công tác quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư; tạo điều kiện thuận lợi cho các khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đầu tư, xây dựng và phát triển.
- Nghiên cứu xây dựng, phát triển các mô hình mới nhằm khai thác tối đa các tiềm năng, lợi thế với các chính sách đột phá, tạo hiệu ứng lan tỏa, tích cực.

b) Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn các tổ chức, cá nhân thực hiện Chương trình; cân đối, bố trí vốn đầu tư phát triển theo kế hoạch trung hạn và hàng năm để thực hiện Chương trình; thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn các dự án thuộc Chương trình.

c) Các bộ ngành khác và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Chủ trì tổ chức thực hiện Chương trình ở địa phương.

- Rà soát, đề xuất xây dựng, chuẩn bị và thẩm định hồ sơ dự án/công trình đầu tư kết cấu hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cho phù hợp với mục tiêu, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương của chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao giai đoạn 2016 - 2020 và hàng năm;

- Căn cứ ý kiến thẩm định của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, các địa phương hoàn thiện kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách nhà nước cho các dự án/công trình thuộc chương trình mục tiêu đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu công nghệ cao, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao để tổng hợp trong xây dựng và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020 và hàng năm báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét theo quy định của Luật Đầu tư công.

- Chủ động huy động nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác để đáp ứng phần nhu cầu ngân sách trung ương không bố trí hoặc chưa đủ nguồn để cân đối.

- Giám sát, thực hiện các thủ tục phê duyệt dự án, đầu tư công trình, giải ngân nguồn vốn theo đúng quy định pháp luật về đầu tư công, về xây dựng cơ bản và các pháp luật khác có liên quan.

- Trong quá trình triển khai thực hiện các dự án đầu tư công phải thực hiện đúng các quy định về đảm bảo an ninh, quốc phòng, bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

- Quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc Chương trình do địa phương quản lý, định kỳ báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiến độ thực hiện Chương trình tại địa phương; tổ chức sơ kết và tổng kết Chương trình ở địa phương theo quy định.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (2). 205

THỦ TƯỚNG

Nguyễn Xuân Phúc